TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Long
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Thanh Trà
Ông Huỳnh Tiễn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà***: Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2016/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị H**, sinh ngày 28/02/1985; Nơi cư trú: K148/18 đường Y, phường H, quận H, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đức D,** sinh ngày 14/5/1984; Nơi cư trú: K148/18 đường Y, phường H, quận H, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức D kết hôn với nhau vào ngày 13/8/2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa C, quận H, Tp.

Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại K148/18 đường Y, phường H, quận H, Tp. Đà Nẵng (là nhà cha mẹ chồng); trong quá trình chung sống đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông D có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và thường xuyên gây gỗ, sỉ nhục bà (có bản ảnh và nội dung tin nhắn trích xuất từ điện thoại di động của ông D); mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng ông D vẫn không thay đổi vẫn giữ liên lạc với người phụ nữ đó. Nay bà xác định không còn tình cảm yêu thương ông D, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Nguyễn Đức D

- Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/12/2004; Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 18/8/2008. Tại đơn khởi kiện bà H có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thị Nhã U, giao cháu Nguyễn Đức H cho ông Duy nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tại bản khai ngày 26/5/2017 bà H thay đổi nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng/2 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà H xác định hiện đang làm công việc vệ sinh, dọn dẹp nhà cửa, tạp vụ thu nhập khoảng 9.000.000đ/tháng; còn ông D làm bảo vệ tại Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Việt Mỹ, thu nhập 3.500.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Đức D tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên không ghi được lời khai, ý kiến của ông Nguyễn Đức D.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2017 của Tòa án thể hiện các cháu Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị Nhã U có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2017 của Tòa án tại chính quyền địa phương, tổ dân phố nơi bà H và ông D sinh sống thể hiện: ông H và bà H hiện có cư trú, sinh hoạt tại địa chỉ trên; về mâu thuẫn gia đình thì tổ dân phố không nắm được, mọi chuyện xảy ra trong nội bộ gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện VKS đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà H xử cho bà Hai ly hôn ông D; về con chung: giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức D vắng mặt, xét bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa những vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng, nên căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Đức D đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông D, Tòa án nhận thấy: Tại phiên tòa, bà H vẫn cương quyết xin ly hôn ông D với lý do ông D có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm và đối xử tệ bạc với vợ con, tuy vẫn sống chung một nhà nhưng tình nghĩa tình cảm vợ chồng không còn; bà xuất trình chứng cứ là các bản ảnh và nội dung tin nhắn có liên quan (kèm theo văn bản trình bày xuất xứ, nguồn gốc của chứng cứ). Riêng đối với ông Nguyễn Đức D vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án; không có ý kiến trình bày quan điểm về việc bị kiện, nên ông D phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ của mình.

Căn cứ lời khai của bà H và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định: do ông D vi phạm nghĩa vụ của người làm chồng, không thương yêu, chung thủy với vợ mà có quan hệ với người phụ nữ khác làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa để hòa giải đoàn tụ những ông D vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ ông D không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Đặng Thị H được ly hôn ông Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị H xác định bà và ông D có 02 người con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/12/2004 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 18/8/2008; ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi 2 con là 2.000.000đ/1 tháng/2 con (1.000.000đ/1 tháng/1 con) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tòa án xét thấy: Khi giải quyết cho ly hôn thì việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chưa thành niên và có xem xét đến nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Trong vụ án này, ông D vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện quan điểm về việc nuôi con; bản thân bà H có công việc và thu nhập ổn định khoảng 9.000.000đ/tháng, có thể đảm bảo nuôi dạy cả hai con; trong khi đó theo bà H ông D hiện nay làm bảo vệ thu nhập chỉ khoảng 3.500.000đ/tháng không thể đảm bảo nuôi dạy con tốt bằng bà; hơn nữa các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bà H.

Do đó, Tòa án quyết định giao cả hai cháu Đức H và Nhã U cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng: *theo quy định của pháp luật người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ quyết định*. Xét mức cấp dưỡng nuôi con mà bà H yêu cầu là phù hợp và trong phạm vi khả năng cấp dưỡng của ông D nên Tòa án chấp nhận, buộc ông Nguyễn Đức D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng/2 con (1.000.000 đồng/1 tháng/1 con chung). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 03/7/2017 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. **Về tài sản chung và nợ chung:** bà H xác định không có, còn ông D không có lời khai gì về tài sản chung và nợ chung; nên Tòa án không giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm, bà H phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con ông D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "ly hôn" của bà Đặng Thị H đối với ông Nguyễn Đức D.

1. Về hôn nhân*:* Xử cho bà Đặng Thị H được ly hôn ông Nguyễn Đức D.

2. Về con chung: Xử giao hai cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/12/2004 và Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 18/8/2008 cho bà Đặng Thi H trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông Nguyễn Đức D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng/2 con (1.000.000 đồng/1 tháng/1 con chung). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 3/7/2017 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đặng Thị H phải chịu là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu số 0005779 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Đức D phải chịu 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Minh Long